

**HTÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY,
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 / 2021/ DS - ST

Ngày: 05 - 5 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Nghĩa và ông Lê Đăng Tương.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Thống – Thư ký TAND huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Q – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số nhà X, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá P. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kon Rẫy.

Địa chỉ: Thôn 01, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy.

(Theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng C).
Ông P có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1978 (vắng mặt không có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa: Thôn Y, xã Đắc Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng C thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Kon Tum - phòng giao dịch Kon Rẫy (sau đây gọi tắt là ngân hàng) cho anh Trần Văn L vay số tiền 50.000.000 đồng theo khế ước số 6600000711231293 của chương trình cho hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, thời hạn trả nợ đến 10 tháng 9 năm 2022, với mục đích sử dụng vốn để trồng cây bời lời. Ngày 09 tháng 02 năm 2020, Ngân hàng tiếp tục cho anh Trần Văn L vay số tiền 20.000.000 đồng theo khế ước số 6600000717043633 của chương trình cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn vay đến ngày 09 tháng 02 năm 2025. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm tra về mục đích sử dụng vốn vay, kiểm tra các công trình nước sạch và công trình vệ sinh của hộ gia đình, thì gia đình anh Trần Văn L đã vi phạm về sử dụng vốn sai mục đích, không còn đối tượng đầu tư, ngoài ra các công trình nước sạch và công trình vệ sinh của hộ gia đình đã bị đưa vào danh sách kê biên để thi hành án. Anh L cũng không sử dụng vốn vay để trồng cây bời lời. Anh Trần Văn L đã không tiến hành trả lãi đầy đủ của số tiền đã vay dẫn đến việc nợ lãi và đã chuyển nợ quá hạn. Từ đó đến nay, mặc dù Ngân hàng đã thông báo, nhắc nhở việc sử dụng vốn sai mục đích, đôn đốc anh L, chị T thu xếp trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh L, chị T vẫn không phối hợp. Tính đến ngày 09/10/2020, anh L và chị T còn nợ Ngân hàng nợ gốc của khế ước: 6600000711231293 là 50.000.000 đồng và nợ gốc của khế ước 6600000717043633 là 20.000.000 đồng và tổng tiền lãi là 1.630.000 đồng, tổng số tiền nợ của anh L, chị T là 71.630.000 đồng.

Tại phiên tòa, ngân hàng bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phát sinh thêm tính đến ngày 05/5/2021 của cả 02 món vay là 3.744.000 đồng nên yêu cầu anh L, chị T trả tổng nợ gốc và lãi 02 khoản vay cả gốc và lãi tăng lên T 73.744.000 đồng, và trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/5/2021 cho đến khi anh L và chị T trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất tính theo các hợp đồng tín dụng (khế ước vay vốn) đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù tòa án đã niêm yết hợp lệ và đầy đủ các văn tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử...nhưng anh Trần Văn L liên tục vắng mặt không có lý do. Đối với chị Hà Thị T, tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị T, nhưng chị T không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, anh L và chị T đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, trong đó người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan luôn vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa cung cấp tài liệu, lời khai của mình, việc Tòa án dựa vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật để xét xử vụ án vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Các khế ước vay tiền số 6600000711231293 ngày 29/9/2017 và khế ước số 6600000717043633 ngày 09/02/2020 được ký kết giữa Ngân hàng và bị đơn anh Trần Văn L dựa trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết Hợp đồng là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền lý kết theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng trên là hợp pháp và có hiệu lực với các bên tham gia ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm quy định về mục đích sử dụng vốn, nghĩa vụ thanh toán như cam kết nên việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, chị T đã có giấy ủy quyền ngày 11/9/2017 ủy quyền cho anh L đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với ngân hàng trước khi anh L ký kết các khế ước vay nợ với ngân hàng. Giấy ủy quyền này có nội dung chị T cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại ngân hàng. Giấy ủy quyền này có nội dung và hình thức đúng quy định tại các Điều 562, 563 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực. Như vậy, chị T cũng có trách nhiệm liên đới cùng anh L trả các khoản nợ trên cho ngân hàng theo Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

Do đó, đề nghị HĐXX:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng vào Điều 91, Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng vào các Điều 117, 118, 119, 280, 282, 288, 463, 465, 466, 467 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH). Buộc bị đơn - anh Trần Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Hà Thị T có nghĩa vụ liên đới cùng nhau trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo các khế ước vay vốn như sau:

- Đối với khế ước vay vốn số 6600000711231293 ngày 29/9/2017 : Anh L, chị T phải trả 52.340.000 đồng (trong đó: 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi quá hạn là tín từ ngày 09/01/2021 đến ngày 05/5/2021 là 2.340.000 đồng).

- Đối với khế ước vay vốn số 6600000717043633 ngày 09/02/2020: Anh L, chị T phải trả: 21.404.000 đồng (Trong đó: 20.000.000 đồng nợ gốc, lãi quá hạn tính từ ngày 09/11/2020 đến ngày 05/5/2021 là 1.404.000 đồng).

Tổng số tiền anh L, chị T phải trả cho ngân hàng theo 02 khế ước là 73.744.000 đồng.

Và toàn bộ lãi phát sinh tính từ ngày 06/5/2021 cho đến khi anh L và chị T thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp.

Về án phí:

Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn anh Trần Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ bổ sung số tiền lãi suất tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 05/5/2021). Yêu cầu bổ sung của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

Vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và bị đơn - anh Trần Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị - Hà Thị T được khởi kiện trong thời hạn luật định. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp dân sự hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Kon Rẫy nên Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn L đã được niêm yết hợp lệ lần 02, chị Hà Thị T đã được tổng đạt hợp lệ lần 02 Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng anh L vắng mặt không có lý do, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị T.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

02 khoản nợ mà ngân hàng kiện đòi anh L, chị T được xác lập trên cơ sở khế ước tín dụng số 6600000711231293 ngày 29/9/2017 và khế ước tín dụng số 6600000717043633 ngày 09/02/2020 ký kết giữa Ngân hàng với anh Trần Văn L. Xét thấy, các hợp đồng cho vay này được ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, theo quy định tại các Điều 117, 118, 119 và 463 Bộ luật dân sự 2015 các hợp đồng nói trên là hợp pháp và có hiệu lực với các bên tham gia ký kết.

Về pháp luật áp dụng: Các khế ước tín dụng nói trên được các bên ký kết, thực hiện tại thời điểm Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung 2017 để giải quyết.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Đối với số tiền 50.000.000 đồng vay theo khế ước 6600000711231293 ngày 29/9/2017, thỏa thuận định kỳ 12 tháng một lần phải trả nợ gốc 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,75/ tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Nhưng sau khi ký kết, anh L không thực hiện trả lãi và gốc đúng kỳ hạn. Sau khi ngân hàng khởi kiện, anh L mới trả hết lãi trong hạn. Bên cạnh đó, ngày 09/01/2021, ngân hàng kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay thì phát hiện anh L không sử dụng vốn vay đúng mục đích trồng cây bởi lời như thỏa thuận nên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày này. Đến nay, Ngân hàng tính số tiền anh L nợ là 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi quá hạn từ ngày 09/01/2019 đến ngày xét xử hôm nay 05/5/2021 T tiền 2.340.000 đồng.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng vay theo khế ước 6600000717043633 ngày 09/02/2020, thỏa thuận định kỳ 6 tháng một lần phải trả nợ gốc 2.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 9%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Nhưng trong thời gian thực hiện hợp đồng, anh L chưa trả được lãi và gốc đúng kỳ hạn. Sau khi ngân hàng khởi kiện, anh L mới trả hết lãi trong hạn. Đến nay, ngân hàng tính anh L còn nợ ngân hàng 20.000.000 đồng nợ gốc; lãi quá hạn từ ngày 09/11/2020 đến ngày xét xử hôm nay 05/5/2021 là 1.404.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy số nợ gốc và số tiền lãi quá hạn mà ngân hàng tính như trên là đúng về cách tính, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại 02 khế ước tín dụng, không trái quy định của pháp luật nói trên nên có căn cứ chấp nhận.

Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh L là người ký kết các khế ước tín dụng với ngân hàng nhưng chị T đã có giấy ủy quyền ngày 11/9/2017 ủy quyền cho anh L đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với ngân hàng. Giấy ủy quyền này có nội dung chị T cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại ngân hàng. Văn bản ủy quyền này đã được anh L, chị T ký dưới sự chứng kiến của trưởng thôn và được UBND xã Đắk Ruồng, huyện Kon Rẫy xác nhận nên có hiệu lực theo các Điều 562, 563 Bộ luật dân sự 2015. Như vậy, chị T cũng có trách nhiệm liên đới cùng anh L trả các khoản nợ trên cho ngân hàng theo Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

Như vậy, Hội đồng xét thấy: Anh Trần Văn L, chị Hà Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong các hợp đồng vay vốn nêu trên nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ của ngân hàng. Mặc dù các khoản nợ trên chưa đến hạn trả toàn bộ gốc nhưng vì anh L, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nghĩa vụ trả gốc từng phần theo từng kỳ nên Ngân hàng khởi kiện đòi toàn bộ nợ gốc và lãi là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc anh Trần Văn L và chị Hà Thị T liên đới trả cho Ngân hàng 02 khoản nợ theo 02 khế ước vay nợ như sau:

- Đối với khế ước tín dụng số 6600000711231293 ngày 29/9/2017 : Anh L, chị T phải trả 52.340.000 đồng (trong đó: 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi quá hạn là 2.340.000 đồng).

- Đối với khế ước vay tín dụng 6600000717043633 ngày 09/02/2020: Anh L, chị T phải trả: 21.404.000 đồng (Trong đó: 20.000.000 đồng nợ gốc, lãi quá hạn 1.404.000 đồng).

Tổng số tiền anh L, chị T phải trả cho ngân hàng theo 02 khế ước là 73.744.000 đồng.

Kể từ ngày 06/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Văn L và chị Hà Thị T còn phải trả lãi suất chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại 02 khế ước tín dụng nói trên tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận, vì vậy anh L, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng vào Điều 91, Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng vào các Điều 117, 118, 119, 280, 282, 288, 463, 465, 466, 467, 470, 562 và 563 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và bổ sung của của nguyên đơn Ngân hàng C

Buộc anh Trần Văn L và chị Hà Thị T liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Kon Tum - Phòng giao dịch huyện Kon Rẫy khoản nợ sau:

- Đối với khế ước tín dụng số 6600000711231293 ngày 29/9/2017 : Anh L, chị T phải trả 52.340.000 đồng (trong đó: 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi quá hạn là 2.340.000 đồng).

- Đối với khế ước tín dụng số 6600000717043633 ngày 09/02/2020: Anh L, chị T phải trả: 21.404.000 đồng (Trong đó: 20.000.000 đồng nợ gốc, lãi quá hạn 1.404.000 đồng).

Tổng số tiền anh L, chị T phải trả cho ngân hàng theo 02 khế ước là 73.744.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*).

Kể từ ngày 06/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Văn L và chị Hà Thị T còn phải trả lãi suất chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại 02 hợp đồng (khế ước) tín dụng nói trên tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Về án phí: Căn cứ các Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; áp dụng khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Trần Văn L và chị Hà Thị T liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.687.200 đồng (*Ba triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, hai trăm đồng*) để nộp Ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/5/2021). Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Các đương sự
- Lưu HSVA./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Loan

